

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2025

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

Ông Ngô Xuân Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Khu vực 15 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026, về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị Q, sinh năm 1958; căn cước công dân số: 074158005479; cư trú tại: Số nhà D, đường C, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trần Khải P, sinh năm 1954; Chứng minh nhân dân: 280056620; cư trú tại: Số I, đường N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 11 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Q và ông Trần Khải P và là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06 tháng 5 năm 2002. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung.

Hiện nay, bà Q và ông P tình cảm thương yêu đã không còn, đời sống gia đình không còn hạnh phúc; từ năm 2010 đến nay, bà Q và ông P đã sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Bà Q nhận thấy tình trạng mâu thuẫn giữa bà Q và ông P không thể hàn gắn nên bà Q đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Q được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà Q và ông P chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Khải P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của ông P.*

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Ngô Thị Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Trần Khải P vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn bà Ngô Thị Q có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Trần Khải P vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Ngày 21 tháng 11 năm 2025, bà Ngô Thị Q có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Khải P nên đây là vụ án “*Ly hôn*” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] *Về thẩm quyền:* Tại thời điểm Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, bị đơn ông Trần Khải P đang cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ

sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Ngô Thị Q vắng, nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Trần Khải P vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử để giải quyết vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Ngô Thị Q và ông Trần Khải P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 06 tháng 5 năm 2002 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông P là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Quá trình chung sống, bà Q cho rằng vợ chồng không thể hòa hợp trong cuộc sống hằng ngày, mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài, không thể hàn gắn mà nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thiếu sự tôn trọng, quan tâm và đã ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của bà Q, nhận thấy bà Q và ông P không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông P nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông P vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ ông P không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Căn cứ vào những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà Q và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của bà Q, cho bà Q được ly hôn với ông P.

[2.2] Về con chung: Bà Q và ông P chưa có con chung nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Q và ông P không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15-Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Ngô Thị Q thuộc trường hợp được miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Q đối với bị đơn ông Trần Khải P về việc “Ly hôn”.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Ngô Thị Q được ly hôn với ông Trần Khải P.

1.2. *Về con chung*: Không xem xét giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ngô Thị Q được miễn nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí nên không đề cập xử lý.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng THADS khu vực 15);
- UBND phường Thủ Dầu Một; Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Vọng

